

Bản án số: 87/2025/DS-PT

Ngày 17 - 3 - 2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng đặt cọc*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thuận.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hằng, ông Võ Thanh Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 405/2024/TLPT-DS, ngày 28 tháng 11 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng đặt cọc*” do Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2024/DS-ST, ngày 29 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện K bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2025/QĐ-PT, ngày 11 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà La Thị P, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ A, phường N, TP ., tỉnh Đắk Nông; Địa chỉ liên lạc: Số B đường N, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Bùi Thị D, sinh năm 1977; địa chỉ: TDP F, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông. Có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Ngô Đức T, sinh năm 1969 và bà Đoàn Thị T1, sinh năm 1970; Cùng địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (ông Ngô Đức T ủy quyền cho bà Đoàn Thị T1 tham gia tố tụng).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đoàn Thị T1; địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Ông T1, bà T1 đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn bà La Thị P và người đại diện theo ủy quyền là bà Bùi Thị D trình bày:**

Ngày 27/9/2019, bà P thỏa thuận nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Ngô Đức T, bà Đoàn Thị T1 thửa đất số 772, tờ bản đồ số 04, diện tích 300m², tọa lạc tại phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông (viết tắt là thửa đất số 772) với giá 1.320.000.000 đồng. Hai bên lập Giấy đặt cọc mua đất, bà P đặt cọc số tiền 100.000.000 đồng (các bên chỉ thỏa thuận miệng sau 01 tuần các bên đi ký Hợp đồng chuyển nhượng) và thỏa thuận giao đủ số tiền 1.220.000.000 đồng còn lại ngay khi công chứng hợp đồng chuyển nhượng. Do ông T1, bà T1 không thực hiện việc chuyển nhượng và không đồng ý phạt cọc nên bà khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình giải quyết vụ án, hai bên lập văn bản thỏa thuận tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng nên bà đã rút đơn khởi kiện, tuy nhiên sau đó ông T1, bà T1 vẫn không thực hiện việc chuyển nhượng như thỏa thuận. Do đó, bà P khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T1, bà T1 phải thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 772 nêu trên cho bà.

Ngày 04-8-2022, bà có đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện, trường hợp ông T1, bà T1 không tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, buộc ông T1, bà T1 phải trả lại số tiền 100.000.000 đồng đã nhận và bồi thường 50% giá trị chênh lệch thửa đất theo giá thị trường với số tiền 840.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm ngày 13/01/2023 của Tòa án nhân dân thành phố G, bà P đã rút yêu cầu khởi kiện bổ sung.

Theo bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông nhận định thì căn cứ để bà P khởi kiện là Hợp đồng đặt cọc chứ giữa các đương sự chưa ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Sau khi Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết vụ án, bà La Thị P có đơn xin thay đổi nội dung khởi kiện, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết:

Tuyên vô hiệu Hợp đồng đặt cọc (Giấy đặt cọc mua đất) ngày 27/9/2019 giữa người đặt cọc là bà La Thị P với người nhận cọc là ông Ngô Đức T, bà Đoàn Thị T1.

Buộc ông Ngô Đức T, bà Đoàn Thị T1 phải trả số tiền 100.000.000 đồng đã nhận cọc và 100.000.000 đồng tiền phạt cọc cho bà La Thị P.

**** Bị đơn bà Đoàn Thị T1 đồng thời là người đại diện ủy quyền cho bị đơn ông Ngô Đức T trình bày:***

Sau khi nghe tin vợ chồng bà T có nhu cầu sang lại thửa đất tọa lạc tại phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông, diện tích là 300m² thửa đất số 722, tờ bản đồ số 04, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 271666 do UBND thị xã G cấp ngày 05/10/2006 cho ông Ngô Đức T, bà Đoàn Thị T1. Bà La Thị P đã đến nhà bà T1 tại thôn F, xã E, huyện K để thỏa thuận giá chuyển nhượng là 1.320.000.000 đồng và bà P đã chuyển khoản cho bà T1 100.000.000 đồng để đặt cọc và tự tay bà P đã viết “Giấy đặt cọc mua đất” ngày 27/09/2019. Theo sự thỏa thuận số tiền còn lại là 1.220.000.000 đồng, bà La Thị P sẽ thanh toán ngay sau khi hai bên ra Văn phòng công chứng chứng thực. Tuy nhiên, hai bên không ghi ngày cụ thể ra Phòng công chứng chỉ thỏa thuận miệng sau 01 tuần các bên đi ký Hợp đồng chuyển nhượng.

Khoảng 5 đến 6 ngày sau khi viết “Giấy đặt cọc mua đất”, vợ chồng bà T1 liên tục gọi điện thoại thúc giục bà P đến Văn phòng công chứng để chứng thực và thanh toán dứt điểm số tiền còn lại nhưng bà P biết “Giấy đặt cọc mua đất” không ghi cụ thể ngày tháng năm hai bên hẹn nhau ra Văn phòng công chứng nên bà P cố tình lẩn tránh, có lẽ lúc đó bà La Thị P chưa tìm được khách mua đất sang tay nên cứ hẹn hết lần này đến lần khác. Mặt khác, thời điểm thị trường bất động sản đứng giá, không biến động nên đã lợi dụng đưa ra lý do không chính đáng.

Sau đó, bà P khởi kiện để đòi lại tiền cọc với lý do đất của gia đình bà T1 bị quy hoạch. Tuy nhiên, qua xác minh đất không bị quy hoạch. Lúc này bà P mới chịu rút đơn khởi kiện và hai bên viết biên bản thỏa thuận. Nhưng khi làm giấy

biên bản thỏa thuận cũng không ghi cụ thể ngày tháng năm làm giấy và cũng không ghi rõ ngày hai bên hẹn đến Văn phòng công chứng để chuyển nhượng.

Sau khi hai bên thỏa thuận, khoản gần 01 tuần sau bà T1 lên tỉnh Đắk Nông để hẹn gặp bà P tại Văn phòng công chứng. Nhưng bà P lại cho rằng lô đất tranh chấp với bà Từ Thị T2, địa chỉ: đường Đ, thành phố G, tỉnh Đắk Nông. Bà P bảo rằng: "Có lần bà hỏi thăm tìm đến lô đất và gặp người con của bà Từ Thị T2, nó hùng hổ quát to: "đứa nào mua bán lô đất này", nên lần này bà P cũng không chịu đến Văn phòng công chứng. Tuy nhiên, sau khi gia đình bà T1 làm đơn ra phường N thì cũng xác định giữa gia đình bà T1 và bà Từ Thị T2 không có tranh chấp gì.

Đối với yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng đặt cọc thì bị đơn không có ý kiến gì. Đối với yêu cầu trả bà P 100.000.000 đồng tiền cọc và 100.000.000 đồng phạt cọc thì bị đơn không đồng ý. Bởi vì, bà P không thực hiện đúng theo nội dung hợp đồng đặt cọc mà hai bên đã ký kết, bản thân bà La Thị P không đồng ý thực hiện hợp đồng đặt cọc nữa, việc không tiếp tục được việc chuyển nhượng là hoàn toàn do lỗi của bà P.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2024/DS-ST, ngày 29 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện K đã quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 116, Điều 117, Điều 328, Điều 401 của Bộ luật Dân sự 2015.

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà La Thị P về việc: Đề nghị tuyên bố Hợp đồng đặt cọc (Giấy đặt cọc mua đất) ngày 27/9/2019 giữa người đặt cọc là bà La Thị P với người nhận cọc là ông Ngô Đức T, bà Đoàn Thị T1 là vô hiệu và buộc ông Ngô Đức T, bà Đoàn Thị T1 phải trả 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) tiền nhận cọc và 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) tiền phạt cọc.

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

2.1. Về chi phí tố tụng: Bà La Thị P phải chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.500.000 đồng (Năm triệu, năm trăm nghìn đồng) và chi phí thẩm định giá tài sản là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), bà P đã nộp đủ và chi phí xong.

2.2. Về án phí:

- Trả cho bà La Thị P 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002208, ngày 18/6/2020 và 20.250.000 đồng (Hai mươi triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006354, ngày 12/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

- Bà La Thị P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Được khấu trừ vào số tiền 5.300.000 đồng (Năm triệu, ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2023/0005878, ngày 27/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K. Sau khi khấu trừ, bà La Thị P còn phải nộp số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

- Bị đơn ông Ngô Đức T, bà Đoàn Thị T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 02/10/2024 bà La Thị P kháng cáo với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà La Thị P.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Bùi Thị D giữ nguyên nội dung kháng cáo của bà La Thị P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng:* Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:*

Qua phân tích đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự, đại diện Viện kiểm sát cho rằng hợp đồng đặt cọc lập ngày 27/9/2019 có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Việc vi phạm hợp đồng đặt cọc dẫn đến các bên không thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất là lỗi của nguyên đơn. Do đó, kháng cáo của bà La Thị P là không có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà La Thị P, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 32/2024/DS-ST, ngày 29 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện K.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn làm trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí, nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận ngày 27/9/2019, bà La Thị P đặt cọc cho vợ chồng ông Ngô Đức T, bà Đoàn Thị T1 số tiền 100.000.000 đồng để cam kết chuyển nhượng cho nhau thửa đất số 772, tờ bản đồ số 04, diện tích 300m², tọa lạc tại phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông với giá 1.320.000.000 đồng. Các bên thỏa thuận miệng sau 01 tuần sẽ đi ký Hợp đồng chuyển nhượng và thỏa thuận bà P giao đủ số tiền 1.220.000.000 đồng còn lại ngay khi công chứng hợp đồng chuyển nhượng. Đây là những tình tiết không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 BLTTDS.

[2.2] Xét hợp đồng đặt cọc ngày 27/9/2019, giữa bên đặt cọc bà La Thị P và bên nhận cọc ông Ngô Đức T, bà Đoàn Thị T1 được lập trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các bên có đủ năng lực hành vi dân sự. Mục đích và nội dung của việc đặt cọc để các bên cam kết chuyển nhượng cho nhau thửa đất số 772, tờ bản đồ số 04, diện tích 300m² tại phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 271666 do UBND thị xã G cấp cho ông Ngô Đức T, bà Đoàn Thị T1 ngày 05/10/2006 là không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Như vậy, hợp đồng đặt cọc nêu trên có đủ điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự và làm căn cứ để xác định quyền, nghĩa vụ của các bên.

[2.3] Qua các tài liệu, chứng cứ trong vụ án, có căn cứ xác định:

Sau thời hạn 01 tuần kể từ ngày ký kết hợp đồng đặt cọc, hai bên không tiến hành ký kết và thực hiện hợp đồng chuyển nhượng như đã giao kết. Bị đơn cho rằng đã nhiều lần liên lạc yêu cầu nguyên đơn ký kết hợp đồng chuyển nhượng nhưng bà P1 không thực hiện. Ngày 16/12/2019, bà P khởi kiện lần thứ nhất đến Tòa án nhân dân huyện K yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng đặt cọc với lý do bà P cho rằng thửa đất hai bên cam kết chuyển nhượng bị vướng quy hoạch, không đủ điều kiện chuyển nhượng. Quá trình giải quyết, xác định thửa đất của gia đình bà T1 không bị quy hoạch nên bà P rút đơn khởi kiện vào ngày

13/02/2020 và các bên lập biên bản thỏa thuận tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng.

Mặc dù không ghi ngày tháng, nhưng các bên đều thống nhất gia đình bà T1 tới thửa đất cùng bà P để bàn giao đất và lập hợp đồng chuyển nhượng. Nguyên đơn cho rằng sau khi thỏa thuận khoảng 05 ngày sau bà P có đến thửa đất nhưng gia đình bà T1 không đến. Bị đơn cho rằng khoảng 01 tuần sau thỏa thuận, vợ chồng bà T1 đến thửa đất và liên hệ với bà P để ký hợp đồng chuyển nhượng nhưng bà P cho rằng đất có tranh chấp nên từ chối ký hợp đồng chuyển nhượng. Tại biên bản xác minh tại UBND phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông xác định ngày 19/02/2020, UBND phường N có nhận được đơn đề nghị hòa giải tranh chấp đất của bà Đoàn Thị T1, tuy nhiên đã hòa giải thành và đất không còn tranh chấp. Mặc dù, UBND phường xác định đất không có tranh chấp nhưng bà P vẫn không đồng ý ký kết hợp đồng chuyển nhượng mà đã tiến hành khởi kiện.

Như vậy, có căn cứ xác định việc các bên không thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Hợp đồng đặt cọc là do lỗi của nguyên đơn bà La Thị P không thực hiện hợp đồng đặt cọc. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tuyên bố Hợp đồng đặt cọc ngày 27/9/2019 vô hiệu; buộc ông Ngô Đức T, bà Đoàn Thị T1 phải trả 100.000.000 đồng tiền nhận cọc và 100.000.000 đồng tiền phạt cọc là có căn cứ.

Do đó kháng cáo của bà La Thị P là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí:

[3.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do đơn khởi kiện không được chấp nhận nên nguyên đơn bà La Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu tuyên bố hợp đồng đặt cọc vô hiệu và 10.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu buộc ông Ngô Đức T, bà Đoàn Thị T1 phải trả 100.000.000 đồng tiền nhận cọc và 100.000.000 đồng tiền phạt cọc.

Tuy nhiên cấp sơ thẩm tuyên trả lại bà P 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002208, ngày 18/6/2020 và 20.250.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006354, ngày 12/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh Đắk Nông trong khi xác định bà P còn phải nộp 5.000.000 đồng tiền án phí sau khi khấu trừ 5.300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2023/0005878, ngày 27/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K là không hợp lý mà cần phải khấu trừ vào số tiền án phí phải nộp trước khi trả lại tiền tạm ứng án phí.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn bà La Thị P phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ Khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Không chấp nhận kháng cáo của bà La Thị P.

- Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 32/2024/DS-ST, ngày 29 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện K về phần án phí.

[2] Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Áp dụng Điều 116, Điều 117, Điều 328, Điều 401 Bộ luật Dân sự 2015.

- Áp dụng Điều 26, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà La Thị P về việc: Đề nghị tuyên bố Hợp đồng đặt cọc (Giấy đặt cọc mua đất) ngày 27/9/2019 giữa người đặt cọc là bà La Thị P với người nhận cọc là ông Ngô Đức T, bà Đoàn Thị T1 là vô hiệu và buộc ông Ngô Đức T, bà Đoàn Thị T1 phải trả 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) tiền nhận cọc và 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) tiền phạt cọc.

2. Về án phí:

2.1 Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà La Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và 10.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; Được khấu trừ vào số tiền 5.300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2023/0005878, ngày 27/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K và 20.250.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006354, ngày 12/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh Đắk Nông. Hoàn trả cho bà La Thị P 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002208,

ngày 18/6/2020 và 15.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006354, ngày 12/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

2.2 Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà La Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2023/0006071, ngày 07/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk,

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02);
- TAND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Chi cục THADS TP G;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Thuận